

29/10/2025

KHUYẾN NGHỊ	TĂNG TỶ TRỌNG
Giá hợp lý	27,400
Giá hiện tại	23,300
Tiềm năng tăng/giảm	18%

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

CP đang lưu hành (triệu)	288
Free float (%)	32%
Vốn hóa (tỷ VND)	6,261
KL GDTB 3 tháng (triệu CP)	1.9
Sở hữu nước ngoài (%)	40%
Ngày niêm yết đầu tiên	12/06/2015

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

PVPower	59.4%
Khác	40.6%

KHÍA CẠNH TRỌNG YẾU

TTM EPS (VND)	2,192
BVPS (VND)	14,916
Nợ/VCSH (%)	16%
ROA (%)	6.82%
ROE (%)	15.01%
P/E	9.92
P/B	1.46
Tỷ suất cổ tức (%)	3.68%

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU



SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY

Được thành lập bởi PetroVietnam - PVN (sau đó chuyển giao cho PV Power) và các tổ chức đầu tư khác vào năm 2007. Công ty là chủ đầu tư, quản lý và vận hành Nhà máy điện tuabin khí chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2. NT2 sử dụng công nghệ tiên tiến tua bin khí chu trình hỗn hợp thể hệ F với cấu hình 2-2-1, bao gồm 2 tua bin khí, 2 lò thu hồi nhiệt và 1 tua bin hơi.

KHỐI PHÂN TÍCH

Tổ Đình Hiền Viên
viento@phs.vn

LỢI NHUẬN CẢI THIẾN NHỜ GIẢM CHI PHÍ KHẤU HAO.

- Trong quý 3/2025, NT2 ghi nhận doanh thu thuần và LNST-CĐTS lần lượt đạt **1,928 tỷ đồng (+13%yoy)** và **214 tỷ đồng (+384%yoy)**. Theo đó, lũy kế 9 tháng đầu năm doanh thu thuần và LNST-CĐTS tương ứng với 5,436 tỷ đồng (+31%yoy) và 577 tỷ đồng (+6831%yoy), lần lượt hoàn thành 66% và 207% so với kế hoạch kinh doanh 2025 và hoàn thành 74% và 75% so với dự phóng của chúng tôi.
- Chúng tôi đưa ra quan điểm **KHẢ QUAN** đối với triển vọng kinh doanh năm 2026, chủ yếu đến từ lợi nhuận sau thuế tiếp tục hồi phục nhờ các máy móc thiết bị đã hết khấu hao trong năm 2026.
- Chúng tôi ước tính doanh thu thuần và LNST-CĐTS trong 2025F/2026F lần lượt đạt 7,401/7,888 tỷ đồng (+25%yoy/+7%yoy) và 779/987 tỷ đồng (+840%yoy/+27%yoy).
- Chúng tôi đưa ra khuyến nghị **TĂNG TỶ TRỌNG** cổ phiếu NT2 với giá mục tiêu là 27,400 VND với tiềm năng tăng giá là 18% so với giá đóng cửa tại ngày 28/10/2025.

Cập nhật kết quả kinh doanh Q3/2025

Trong quý 3/2025, NT2 ghi nhận doanh thu thuần và LNST-CĐTS lần lượt đạt **1,928 tỷ đồng (+13%yoy)** và **214 tỷ đồng (+384%yoy)**. Theo đó, lũy kế 9 tháng đầu năm doanh thu thuần và LNST-CĐTS tương ứng với 5,436 tỷ đồng (+31%yoy) và 577 tỷ đồng (+6831%yoy), lần lượt hoàn thành 66% và 207% so với kế hoạch kinh doanh 2025 và hoàn thành 74% và 75% so với dự phóng của PHS, chủ yếu đến từ doanh thu hồi phục nhờ nhu cầu tiêu thụ điện toàn quốc tiếp tục tăng và biên lợi nhuận cải thiện nhờ phần giá bù ước tính cao hơn so với cùng kỳ. Qua đó, góp phần hỗ trợ tích cực cho kết quả kinh doanh Q3/2025.

Dự báo kết quả kinh doanh 2025F – 2026F

Chúng tôi ước tính doanh thu thuần và LNST-CĐTS trong 2025F/2026F lần lượt đạt 7,401/7,888 tỷ đồng (+25%yoy/+7%yoy) và 779/987 tỷ đồng (+840%yoy/+27%yoy) nhờ giảm được chi phí khấu hao và dự kiến sản lượng điện tiếp tục hồi phục trên mức nền thấp của 2024.

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

- Lợi nhuận sau thuế năm 2026 ước tính tăng trưởng khả quan +27%yoy nhờ biên lợi nhuận gộp cải thiện tích cực so với cùng kỳ:** Trong năm 2026, chúng tôi ước tính biên lợi nhuận gộp cải thiện +2.3 đpt yoy chủ yếu đến từ máy móc thiết bị của NT2 sẽ hoàn toàn hết khấu hao trong 2026 với chi phí khấu hao ước tính giảm -79%yoy. Qua đó đóng góp tích cực vào lợi nhuận trong năm 2026.
- Doanh nghiệp sở hữu nền tảng tài chính lành mạnh và duy trì chính sách cổ tức tiền mặt ổn định, ngay cả trong giai đoạn kém thuận lợi nhất năm 2024:** Chúng tôi kỳ vọng năm 2026 doanh nghiệp tiếp tục chi trả cổ tức tiền mặt với tỷ lệ chi trả khoảng 80% LNST – tương đương năm 2022 – khi lợi nhuận sau thuế năm 2026 dự kiến tiếp tục phục hồi và tiệm cận về mức của năm 2022 – ước đạt khoảng 11% trong 2026

Rủi ro

- (1) Nhu cầu sử dụng điện thấp hơn so với kỳ vọng
- (2) Giá khí cao hơn so với dự kiến.

Định giá và khuyến nghị

Chúng tôi sử dụng phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền, đồng thời dời thời điểm định giá sang 2026. Qua đó, chúng tôi đưa ra khuyến nghị **TĂNG TỶ TRỌNG** đối với cổ phiếu NT2 với giá mục tiêu 27,400 VND/cổ phiếu, tương ứng với tiềm năng tăng giá khoảng 18% so với giá đóng cửa tại ngày 28/10/2025.

Bảng 1: Chỉ tiêu tài chính của NT2 giai đoạn 2022-2026

	2022A	2023A	2024A	2025F	2026F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	8,788	6,386	5,944	7,381	7,888
LNST (tỷ VND)	883	473	83	763	987
EPS (VND/ cổ phiếu)	2,960	1,545	190	2,492	3,223
Giá trị sổ sách (VND/cp)	16,027	15,062	14,552	15,656	16,301
ROE (%)	11.9%	5.6%	1.0%	8.2%	10.0%
ROA (%)	19.1%	10.9%	2.0%	16.9%	21.0%
P/E (x)	7.0	16.3	110.0	8.7	6.7
P/B (x)	1.3	1.7	1.4	1.4	1.3
Tỷ suất cổ tức (%)	12.0%	6.0%	3.4%	4.4%	11.3%

Nguồn: NT2, PHS tổng hợp và dự phóng

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH Q3/2025

Trong quý 3/2025, NT2 ghi nhận doanh thu thuần và LNST-CĐTS lần lượt đạt 1,928 tỷ đồng (+13%yoy) và 214 tỷ đồng (+384%yoy). Theo đó, lũy kế 9 tháng đầu năm doanh thu thuần và LNST-CĐTS tương ứng với 5,436 tỷ đồng (+31%yoy) và 577 tỷ đồng (+6831%yoy), lần lượt hoàn thành 66% và 207% so với kế hoạch kinh doanh 2025 và hoàn thành 74% và 75% so với dự phóng. Chi tiết như sau:

1. Doanh thu thuần Q3/2025 ghi nhận tăng trưởng +13%yoy. Trong đó:

1.1. Sản lượng điện thương phẩm đạt 792 triệu kWh (+7%yoy). Chúng tôi cho rằng điều này đến từ nhu cầu điện toàn quốc gia tăng, qua đó giúp các nhà máy điện khí nói chung tiếp tục được huy động với sản lượng điện thương phẩm trung bình ngành (*) tăng trưởng +3%yoy.

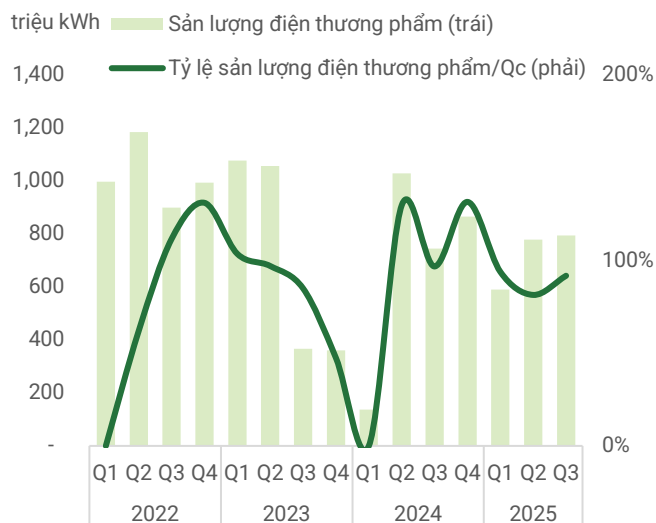
(*) Gồm các nhà máy điện khí: Cà Mau 1&2, Nhơn Trạch 1, Nhơn Trạch 2, Phú Mỹ, Bà Rịa – với tổng công suất thiết kế hơn 5.6 ngàn MWh – tương đương với khoảng 67% tổng công suất lắp đặt trên toàn quốc cuối năm 2024.

1.2. Sản lượng từ hợp đồng CfD chúng tôi ước tính đạt 73 triệu kWh (+52%yoy): Tỷ lệ điện thương phẩm trên sản lượng hợp đồng (Qc) chỉ đạt khoảng 92% trong quý 3/2025. Theo đó, chúng tôi ước tính giá đền bù trong quý 3/2025 vào khoảng 1,554 đồng/kWh (+50% so với cùng kỳ năm trước), tương đương khoảng 114 tỷ đồng (+309% so với cùng kỳ năm trước) doanh thu từ hợp đồng chênh lệch (CFD).

2. Biên lợi nhuận gộp cải thiện tích cực +7.10 đpt yoy chủ yếu đến giá bù theo hợp đồng CfD ước tính tăng khoảng +50%yoy trong khi phần chênh lệch này không phát sinh giá vốn.

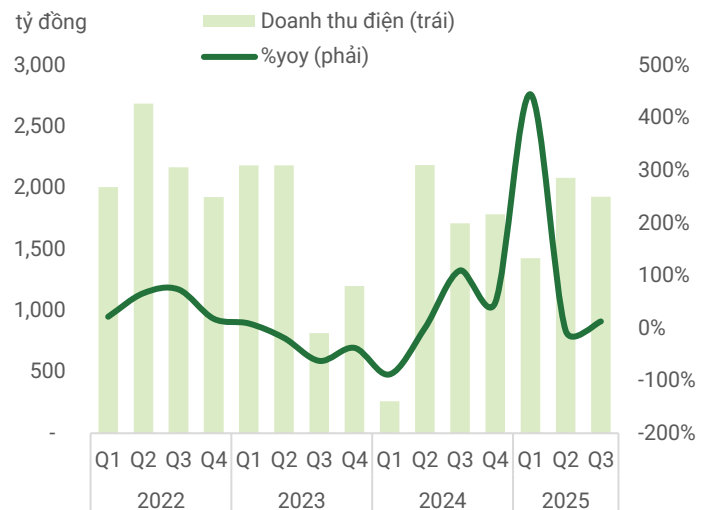
3. LNST-CĐTS tăng trưởng nổi bật +384%yoy nhờ (i) biên lợi nhuận gộp cải thiện so với cùng kỳ và (ii) chi phí quản lý doanh nghiệp được tiết giảm -96%yoy khi hoàn nhập khoản nợ phải thu khó đòi liên quan đến khoản nợ xấu từ EVN trong năm 2022.

Hình 1: Sản lượng điện thương phẩm trong Q3/2025 cải thiện nhẹ so với cùng kỳ nhờ nhu cầu điện tiếp tục cải thiện



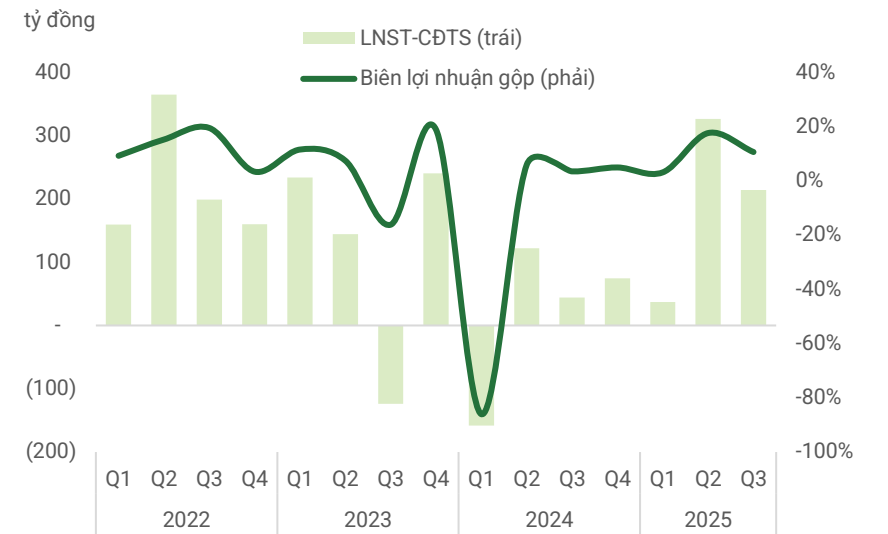
Nguồn: NT2, PHS tổng hợp

Hình 2: Qua đó, giúp doanh thu duy trì đà tăng so với cùng kỳ



Nguồn: NT2, PHS tổng hợp

Hình 3: LNST-CĐTS hồi phục nhờ biên gộp cải thiện và hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.



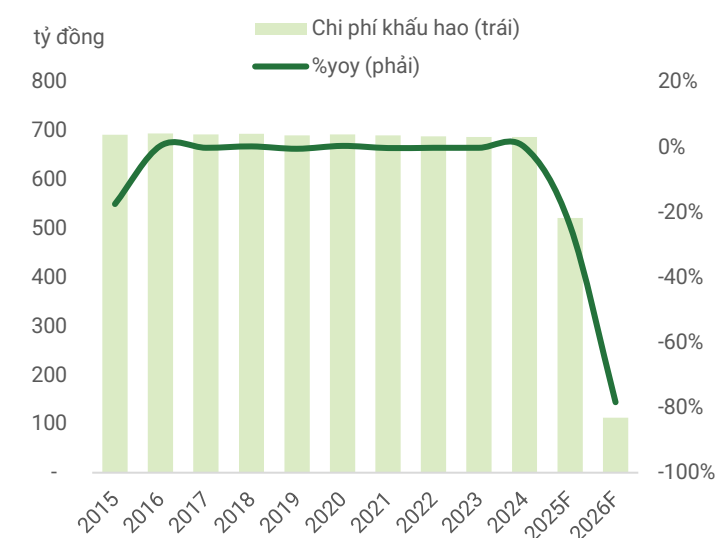
Nguồn: NT2, PHS tổng hợp

LUẬN ĐIỂM ĐẦU TƯ

1. Lợi nhuận sau thuế năm 2026 ước tính tăng trưởng khả quan +27%yoy nhờ biên lợi nhuận gộp cải thiện tích cực so với cùng kỳ:

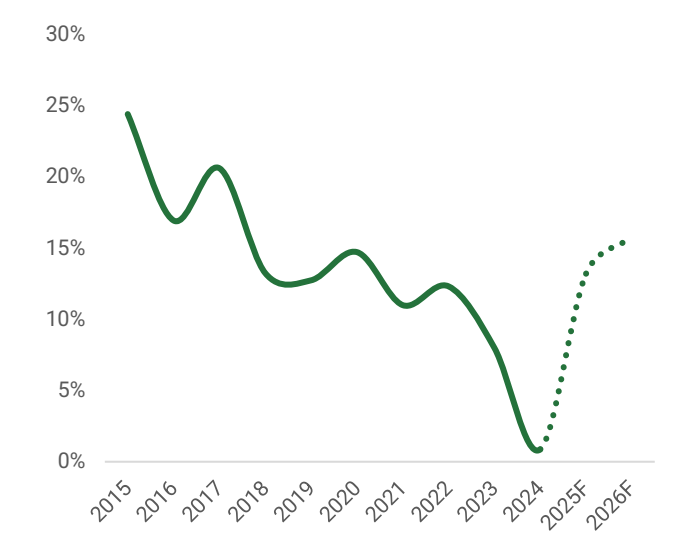
Chúng tôi ước tính biên lợi nhuận gộp cải thiện +2.3 đpt yoy, chủ yếu đến từ máy móc thiết bị của NT2 sẽ hết khấu hao với chi phí khấu hao trong giá vốn ước tính đạt khoảng 106 tỷ đồng (-79%yoy) trong 2026. Đây là yếu tố chính giúp đóng góp tích cực vào tăng trưởng +27%yoy lợi nhuận sau thuế năm 2026.

Hình 4: Các máy móc thiết bị chính của NT2 sẽ hết khấu hao trong 2026



Nguồn: NT2, PHS ước tính và tổng hợp

Hình 5: Biên lợi nhuận gộp trong 2026 ước tính duy trì đà cải thiện nhờ giảm mạnh chi phí khấu hao so với cùng kỳ



Nguồn: NT2, PHS ước tính và tổng hợp

Bảng 2: Dự phóng kết quả kinh doanh trong 2025F – 2026F

(Tỷ đồng)	2023A	2024F	2025F	2026F	%YoY (24/23)	%YoY (25/24)	%YoY (26/25)	Nhận định cho năm 2026
Doanh thu điện	6,386	5,944	7,401	7,888	-7%	25%	7%	Doanh thu hồi phục nhẹ +7%yoy chủ yếu đến từ giả định sản lượng điện thương phẩm hồi phục +14%yoy bởi nhu cầu tiêu thụ điện dự kiến tiếp tục tăng trưởng trong năm sau, giúp nhóm điện khí tiếp tục được huy động sản lượng Đồng thời, chúng tôi cũng giả định trong năm 2026 không phát sinh doanh thu từ CfD
Trong đó:								
(i) Sản lượng điện thương phẩm (tr kWh)	2,889	2,743	2,875	3,267	-5%	5%	14%	Sản lượng điện thương phẩm tăng nhẹ +14%yoy, tương đương với 51% sản lượng điện thiết kế – phù hợp với mức bình quân sản lượng thương phẩm/sản lượng điện thiết kế giai đoạn 2020 – 2024, khi nguồn cung khí dần suy giảm.
(ii) Giá bán bình quân (VND/kWh)	2,210	2,167	2,408	2,415	-2%	11%	0%	
Lợi nhuận gộp	510	52	994	1,240	-90%	1830%	25%	
% Biên LNG	8.0%	0.9%	13.4%	15.7%	-7.1 đpt	12.6 đpt	2.3 đpt	Biên lợi nhuận gộp ước tính duy trì đà hồi phục +2.3 đpt yoy nhờ chi phí khấu hao ước tính giảm -81%yoy và chi phí nhiên liệu hạ nhiệt -1%yoy theo diễn biến giảm của giá dầu Brent.
CPBH & QLDN	(69)	(81)	(101)	(108)	18%	25%	7%	
EBT	441	(30)	893	1,133	-107%	-3111%	27%	
Thu nhập tài chính	107	100	127	151	-6%	27%	19%	
Chi phí tài chính	34	39	47	50	12%	21%	8%	
Trong đó: Lãi vay	34	35	43	47	3%	23%	8%	
Thu nhập khác ròng	(0)	72	4	4	-	97566%	95%	0%
PBT	514	104	977	1,238	-80%	840%	27%	
PAT	473	83	779	987	-82%	840%	27%	
% Biên LNR	7%	1%	11%	13%	-6.0 đpt	9.1 đpt	2.0 đpt	
MI	-	-	-	-	0%	0%	0%	
NPATMI	473	83	779	987	-82%	840%	27%	

Nguồn: NT2, PHS dự phóng và tổng hợp

2. Doanh nghiệp có nền tảng tài chính lành mạnh cùng với chính sách chi trả cổ tức đều đặn.

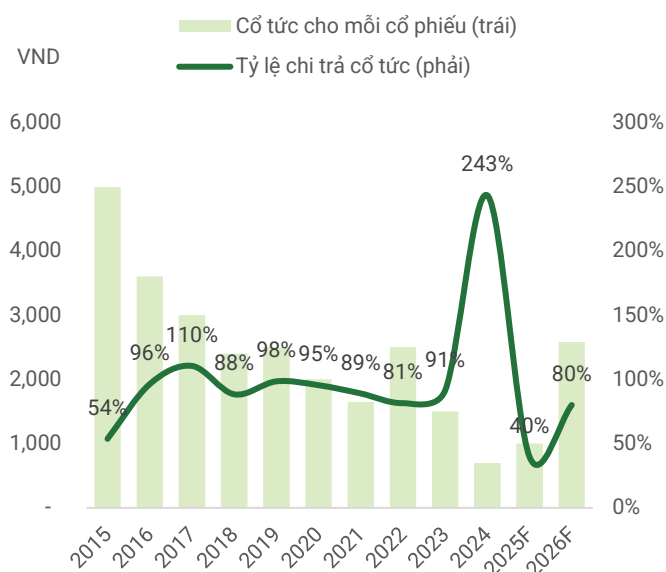
Chúng tôi cho rằng NT2 là doanh nghiệp có nền tảng tài chính lành mạnh khi:

- Doanh nghiệp đã hoàn tất chi trả các khoản vay nợ dài hạn trong Q2/2020. Theo đó, hệ số D/E sau Q2/2020 – Q2/2025 luôn duy trì ổn định và ở mức bình quân khoảng 0.2 lần
- Tính tới Q3/2025, NT2 đang có khoản tiền mặt tương đối lớn với hơn 3.5 ngàn tỷ đồng – chiếm hơn 40% tổng tài sản.
- Doanh nghiệp thường xuyên thực hiện chính sách chi trả cổ tức bằng tiền mặt đều đặn qua từng năm kể cả khi lợi nhuận sau thuế chạm đáy trong năm 2024.

Trong năm 2025, chúng tôi ước tính NT2 tiếp tục duy trì chính sách chi trả cổ tức với tỷ lệ chia cổ tức khoảng 10%/mệnh giá - dựa theo nghị quyết Đại hội cổ đông 2025 – tương đương với tỷ suất cổ tức khoảng 4.4%.

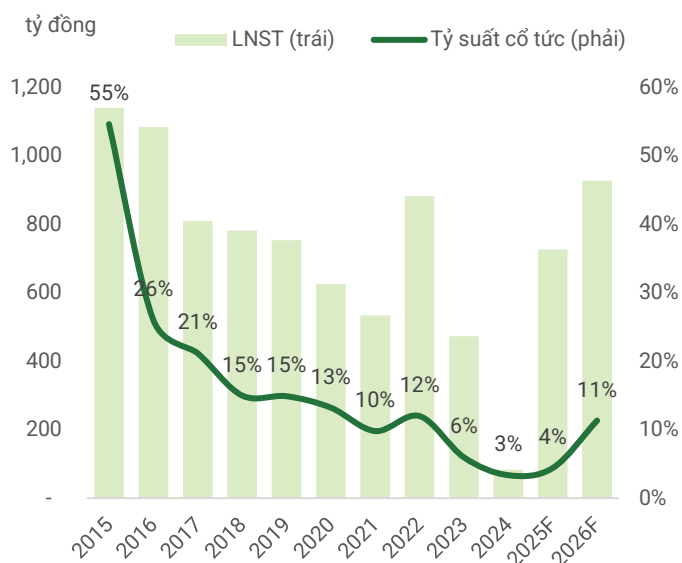
Trong 2026, chúng tôi kỳ vọng doanh nghiệp tiếp tục chi trả cổ tức tiền mặt với tỷ lệ chi trả khoảng 80% LNST – xấp xỉ với tỷ lệ chi trả năm 2022 – khi lợi nhuận sau thuế năm 2026 dự kiến tiếp tục phục hồi và tiệm cận về mức của năm 2022. Theo đó, chúng tôi ước tính tỷ suất cổ tức đạt khoảng 11%.

Hình 6: Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2026 ước tính gần bằng với giai đoạn 2022 khi lợi nhuận dần hồi phục và tiệm cận với giai đoạn trên



Nguồn: NT2, PHS ước tính và tổng hợp

Hình 7: NT2 vẫn luôn duy trì chính sách chi trả cổ tức kể cả khi lợi nhuận chạm đáy trong 2024.



Nguồn: NT2, PHS ước tính và tổng hợp

ĐỊNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ

Chúng tôi sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền nhằm phản ánh đầy đủ vòng đời hoạt động của dự án, đồng thời dời thời điểm định giá sang 2026. Qua đó, chúng tôi đưa ra khuyến nghị **TĂNG TỶ TRỌNG** đối với cổ phiếu NT2 với giá mục tiêu 27,400 VND/cổ phiếu, tương ứng với tiềm năng tăng giá khoảng 18% so với giá đóng cửa tại ngày 28/10/2025.

Bảng 3: Định giá theo phương pháp chiết khấu dòng tiền

	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033	2034	2035	2036
EBIT	893	1,160	1,391	1,079	737	808	663	427	382	351	282	410
(-) Thuế	(198)	(256)	(306)	(246)	(182)	(201)	(176)	(133)	(128)	(126)	(114)	(142)
(+) Khấu hao	521	113	102	102	103	103	103	104	104	104	4	4
(-) Tài sản cố định	(6)	(5)	(4)	(5)	(5)	(5)	(5)	(5)	(5)	(5)	(5)	(5)
(-) Thay đổi VLĐ	(546)	(80)	(166)	233	354	(93)	141	238	31	16	133	(158)
(+) Giá trị thanh lý	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,207
Dòng tiền tự do (FCFF)	665	932	1,017	1,163	1,008	613	727	631	384	341	299	3,315
Giá trị hiện tại của dòng tiền tự do	653	833	828	862	680	376	406	321	178	144	115	1,158
Tổng cộng GTHT của dòng tiền tự do		5,672										
(+) Tiền và các khoản tương đương tiền		3,513										
(-) Nợ vay		-1,292										
Giá trị VCSH		7,892										
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (triệu)		288										
Giá mục tiêu (VND/cổ phiếu)		27,400										
Giá đóng cửa tại ngày 28/10/2025		23,300										
Tiềm năng tăng giá		18%										

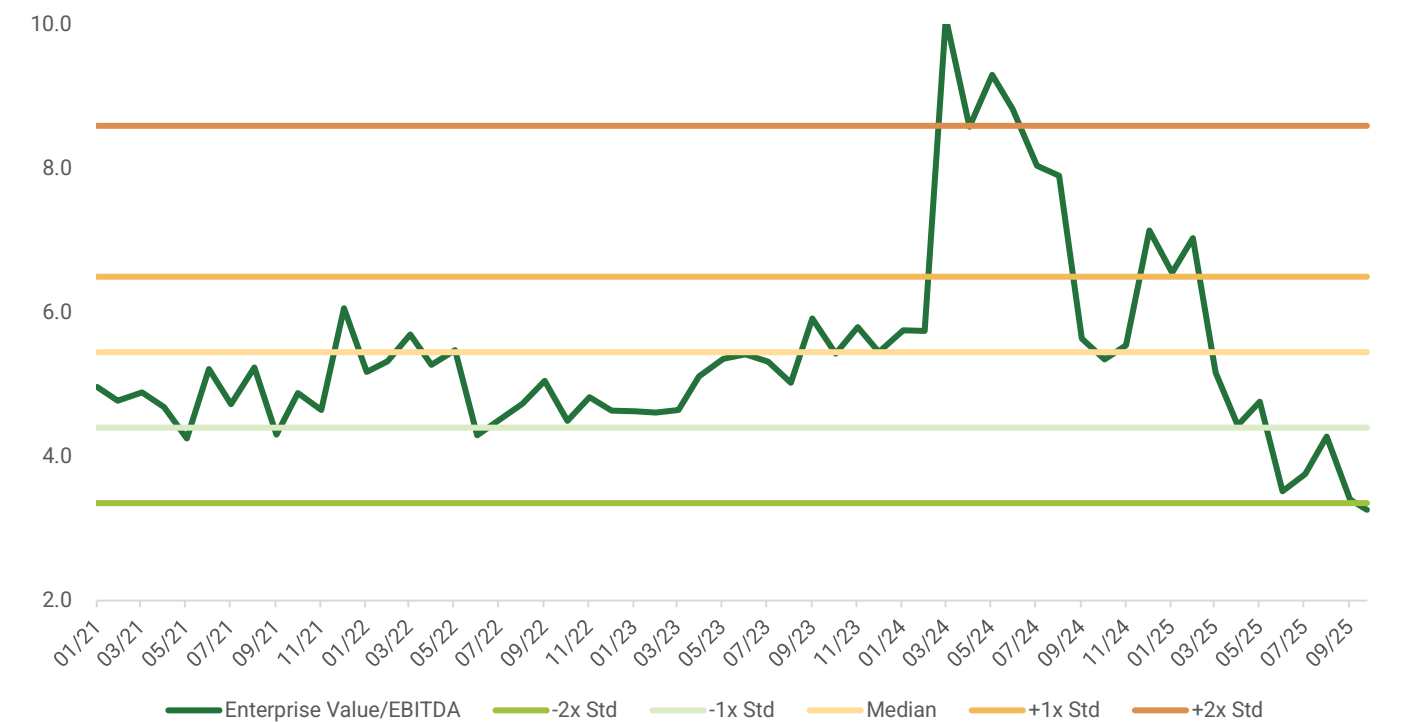
Nguồn: PHS dự phóng và tổng hợp

Bảng 4: Giả định WACC

WACC	
Lãi suất phi rủi ro	3.8%
Beta	0.81
Phần bù rủi ro thị trường	8.3%
Chi phí VCSH	10.5%
Chi phí vay nợ	8.0%
Nợ/(Nợ + VCSH)	16%
Thuế	20%
WACC	9.9%

Nguồn: PHS ước tính và tổng hợp

Bảng 5: Định giá EV/EBITDA giai đoạn 2021 – 2025



Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Báo cáo tài chính

Tỷ VND

Kết quả kinh doanh	2022A	2023A	2024F	2025F	2026F
Doanh thu thuần	8,788	6,386	5,944	7,381	7,888
Giá vốn hàng bán	(7,706)	(5,876)	(5,892)	(6,407)	(6,648)
Lợi nhuận gộp	1,082	510	52	974	1,240
Chi phí bán hàng và QLDN	(131)	(69)	(81)	(101)	(108)
Lợi nhuận từ HĐKD	950	441	(30)	873	1,133
Lợi nhuận tài chính	24	107	100	126	151
Chi phí tài chính	(18)	(34)	(39)	(47)	(50)
Thu nhập khác, ròng	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	(14)	(0)	72	4	4
Lợi nhuận sau thuế	943	514	104	957	1,237
LNST của cổ đông Công ty ty mẹ	883	473	83	763	987
Cân đối kế toán	2022A	2023A	2024F	2025F	2026F
Tài Sản Ngắn Hạn	4,557	4,770	5,774	6,950	7,549
Tiền và tương đương tiền	384	1	57	507	730
Đầu tư tài chính ngắn hạn	949	2,100	2,273	2,579	2,688
Phải thu ngắn hạn	2,911	2,326	2,989	3,300	3,526
Hàng tồn kho	307	260	333	413	441
Tài sản ngắn hạn khác	5	5	122	152	162
Tài Sản Dài Hạn	2,888	3,681	2,924	2,408	2,301
Phải thu dài hạn	-	-	-	-	-
Tài sản cố định	2,809	2,125	1,442	926	818
Chi phí xây dựng dở dang	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-
Tài sản dài hạn khác	79	1,556	1,482	1,482	1,482
Tổng cộng tài sản	7,445	8,451	8,698	9,358	9,849
Nợ phải trả	2,831	4,115	4,509	4,851	5,157
Nợ ngắn hạn	2,831	4,115	4,509	4,851	5,157
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Vốn chủ sở hữu	4,614	4,336	4,189	4,507	4,693
Vốn góp và lợi nhuận giữ lại	4,432	4,110	3,963	4,281	4,467
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
Khác	181	226	226	226	226
Tổng nguồn vốn	7,445	8,451	8,698	9,358	9,849

Lưu chuyển tiền tệ	2022A	2023A	2024F	2025F	2026F
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	1,383	857	528	745	911
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	(946)	(1,090)	(67)	(6)	(5)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	(54)	(150)	(405)	(290)	(682)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	383	(383)	56	450	224
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	1	384	1	57	507
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	384	1	57	507	730
Chỉ số tài chính	2022A	2023A	2024F	2025F	2026F
Tăng trưởng					
Doanh thu	43%	-27%	-7%	24%	7%
Lợi nhuận sau thuế	65%	-46%	-82%	820%	29%
Tổng tài sản	12%	14%	3%	8%	5%
Tổng vốn chủ sở hữu	9%	-6%	-3%	8%	4%
Khả năng sinh lời					
Tỷ suất lãi gộp	12%	8%	1%	13%	16%
Tỷ suất EBIT	11%	7%	0%	12%	14%
Tỷ suất lãi ròng	10%	7%	1%	10%	13%
ROA	12%	6%	1%	8%	10%
ROE	19%	11%	2%	17%	21%
Hiệu quả hoạt động					
Số ngày phải thu	107	150	163	163	163
Số ngày tồn kho	15	18	18	18	18
Số ngày phải trả	43	76	122	122	122
Khả năng thanh toán					
Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.6	1.2	1.3	1.4	1.5
Tỷ suất thanh toán nhanh	1.5	1.1	1.2	1.2	1.2
Tỷ suất thanh toán tiền mặt	0.9	0.9	0.9	0.8	0.8
Cấu trúc tài chính					
Tổng nợ/Tổng tài sản	8%	14%	11%	12%	12%
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	14%	28%	24%	25%	25%
Vay ngắn hạn/VCSH	14%	28%	24%	25%	25%
Vay dài hạn/VCSH	0%	0%	0%	0%	0%

Nguồn: PHS tổng hợp và dự phóng

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Tô Đình Hiền Viên, Chuyên viên phân tích** - Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%.

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của chuyên viên phân tích tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower,
8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp.HCM
Điện thoại: (84-28) 5 413 5479
Customer Service: 1900 25 23 58
E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (84-28) 5 413 5472
Call Center: (84-28) 5 413 5488
Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby
81-83-83B-85 Hàm Nghi,
P. Bến Thành, Tp.HCM
Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060
Fax: (+84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4 và 5, D&D Tower,
458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ,
Tp.HCM
Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068
Fax: (+84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,
251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa,
Tp.HCM.
Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401
Fax: (+84-28) 3 813 2415

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,
N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Yên Hòa, Hà
Nội
Phone: (+84-24) 6 250 9999
Fax: (+84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,
18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải
Phòng
Phone: (+84-22) 384 1810
Fax: (+84-22) 384 1801